

**CÔNG TY CỔ PHẦN
LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM
VĨNH LONG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
RIÊNG ĐÃ KIỂM TOÁN**

**Năm tài chính kết thúc
Ngày 31 tháng 12 năm 2019**



Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	7 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

1. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Trần Chí Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2019
Bà Vũ Thị Mười	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2017
Ông Đoàn Minh Thư	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2019
Ông Phạm Văn Ân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017 Miễn nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2019

Ban Kiểm soát

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</i>
Ông Trần Hữu Hiệp	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Trọng Khang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Như Khoa	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Nguyễn Thuận	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2019
Ông Trần Thanh Hùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2019

2. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Thuận – Tổng Giám đốc.

3. Trụ sở chính

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

4. Công ty con

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Lương thực Kiên Nông	Tổ 5, ấp Sur Nam, Thị trấn Hòn Đất huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	60%	60%	60%

5. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long được thành lập theo Quyết định số 2204/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 01 tháng 08 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc phê duyệt phương án chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500170900 (số cũ là 5403000041) đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 30 tháng 08 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp.

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch UpCom với mã chứng khoán VLF.

Vốn điều lệ: 119.599.820.000 đồng (Một trăm mười chín tỷ năm trăm chín mươi chín triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng), tương đương 11.959.982 cổ phần.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng.

6. Hoạt động kinh doanh Công ty bao gồm:

- Mua bán lương thực thực phẩm, nông lâm sản, nguyên liệu, đồ uống không cồn;
- Mua bán phân bón, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp;
- Mua bán máy móc nông ngư cơ, thiết bị máy công nghiệp, khai khoáng, lâm nghiệp, xây dựng và phụ tùng thay thế;
- Mua bán thiết bị văn phòng (máy tính, phần mềm máy tính, thiết bị ngoại vi, linh kiện điện tử viễn thông và điều khiển, điện thoại cố định, di động, máy nhắn tin, máy bộ đàm, thiết bị điện tử viễn thông, thiết bị điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại, máy in, vật tư ngành in và phụ tùng, máy photocopy...);
- Mua bán xe ô tô, xe tải, rơ móc, mô tô, xe máy;
- Mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ, mô tô, xe máy;
- Mua bán vật liệu xây dựng, gỗ, kim khí;
- Mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng, các chất bôi trơn và làm sạch động cơ, khí đốt (gas);

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

- Mua bán đồ gia dụng thiết bị y tế, nha khoa, thiết bị bệnh viện, thiết bị thể dục thể thao;
- Mua bán vải, hàng may sẵn, giày dép, mỹ phẩm, hạt nhựa PE, hương liệu dùng trong thực phẩm;
- Sản xuất, mua bán thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản;
- Nuôi trồng thủy sản; Chế biến bảo quản thủy sản, sản phẩm từ thủy sản;
- Đại lý bảo hiểm;
- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Dịch vụ nhà đất; Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông; Hoạt động kho bãi;
- Dệt bao bì nhựa PV và PE;
- Xay xát thóc lúa, đánh bóng gạo, sản xuất bột thô;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất đồ uống không cồn.

7. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 07 đến trang 36.

8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán cho đến ngày lập báo cáo này có thể làm sai lệch số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính riêng của Công ty.

9. Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt là đơn vị được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính riêng năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

10. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VINH LONG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này có được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

11. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vinh Long, ngày 31 tháng 03 năm 2020

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THUẬN



Số: 27-BCR/BCKT-2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 20 tháng 02 năm 2020 từ trang 07 đến trang 36 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi vẫn chưa nhận được thư xác nhận số dư công nợ trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019 của một số khoản mục như sau: Phải thu ngắn hạn khách hàng là 61.990.049.068 đồng; Trả trước cho người bán ngắn hạn là 5.704.215.490 đồng. Với những tài liệu được Công ty cung cấp, chúng tôi không thể xác nhận hoặc kiểm tra bằng các phương pháp thay thế khác để làm cơ sở cho ý kiến về số dư các khoản nợ này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như được trình bày tại mục IV.2 của Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 31/12/2019, Công ty có khoản lỗ lũy kế là (240.436.049.121) đồng tương đương 201% vốn góp chủ sở hữu và số dư nợ phải trả là 138.767.848.461 đồng tương đương 251% giá trị tổng tài sản. Các khoản nợ quá hạn Công ty chưa có khả năng thanh toán bao gồm: Nợ gốc vay ngân hàng với số tiền là 73.191.836.048 đồng và lãi vay phải trả là 64.580.820.209 đồng.

Những vấn đề nêu trên cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính riêng đính kèm được lập dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục, và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét một cách thận trọng về khả năng hoạt động liên tục của Công ty tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của Công ty kiểm toán này đã ký báo cáo kiểm toán số: 4.0122/19/TC-AC ngày 25 tháng 03 năm 2019 và đưa ra ý kiến kiểm toán dưới dạng ngoại trừ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2020

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt



NGUYỄN MẠNH QUÂN
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 0180-2018-107-1

Kiểm toán viên

PHẠM ĐÔNG SƠN
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 1052-2018-107-1

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1		2	3	4	5
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		14.112.009.174	7.163.027.269
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	409.820.618	267.631.824
1.	Tiền	111		409.820.618	267.631.824
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.237.000	1.467.600
1.	Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	11.250.882	11.250.882
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(10.013.882)	(9.783.282)
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.502.173.000	6.772.542.545
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	61.990.049.068	95.060.952.579
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.704.215.490	5.704.215.490
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	13.661.712.446	6.750.581.991
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(67.853.804.004)	(100.743.207.515)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		-	-
1.	Hàng tồn kho	141		-	-
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		198.778.556	121.385.300
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		198.778.556	121.385.300
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1		2	3	4	5
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		41.101.010.246	49.314.167.250
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		28.773.924.786	33.087.757.785
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	19.943.900.445	23.359.467.364
-	- Nguyên giá	222		67.733.745.488	67.904.777.328
-	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(47.789.845.043)	(44.545.309.964)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
-	- Nguyên giá	225		-	-
-	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.8	8.830.024.341	9.728.290.421
-	- Nguyên giá	228		9.115.271.975	10.017.233.975
-	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(285.247.634)	(288.943.554)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9	12.327.085.460	16.206.826.127
1.	Đầu tư vào công ty con	251		9.470.000.000	9.470.000.000
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	5.250.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.000.000.000	4.000.000.000
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.142.914.540)	(2.513.173.873)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		-	19.583.338
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		-	19.583.338
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		55.213.019.420	56.477.194.519

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1		2	3	4	5
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		138.767.848.461	183.451.637.992
I.	Nợ ngắn hạn	310		138.767.848.461	183.451.637.992
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	19.105.000	33.955.000
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	427.200	6.367.680
4.	Phải trả người lao động	314		96.000.000	-
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	65.130.820.209	57.571.602.695
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	277.828.000	276.328.000
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	73.191.836.048	125.511.552.613
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	51.832.004	51.832.004
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1		2	3	4	5
D.	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(83.554.829.041)	(126.974.443.473)
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.16	(83.554.829.041)	(126.974.443.473)
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		119.599.820.000	119.599.820.000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119.599.820.000	119.599.820.000
-	Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		37.281.400.080	37.281.400.080
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(240.436.049.121)	(283.855.663.553)
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(283.855.663.553)	(270.231.750.762)
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		43.419.614.432	(13.623.912.791)
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		55.213.019.420	56.477.194.519

Vĩnh Long, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



PHẠM THỊ CẨM NHUNG



PHAN NGỌC BÌNH




NGUYỄN THUẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	15.495.000	4.205.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	15.495.000	4.205.000
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.495.000	4.205.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	26.470.846.974	1.551.544.935
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	10.890.736.898	18.468.425.479
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		12.176.717.512	17.937.933.146
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	(24.064.258.895)	4.197.431.232
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		39.659.863.971	(21.110.106.776)
11. Thu nhập khác	31	VI.5	3.836.494.379	11.242.189.673
12. Chi phí khác	32	VI.6	76.743.918	86.530
13. Lợi nhuận khác	40		3.759.750.461	11.242.103.143
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		43.419.614.432	(9.868.003.633)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	3.755.909.158
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		43.419.614.432	(13.623.912.791)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.8		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	VI.8		

Vĩnh Long, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





PHẠM THỊ CẨM NHUNG

PHAN NGỌC BÌNH

NGUYỄN THUẬN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		43.419.614.432	(9.868.003.633)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		3.391.182.949	4.472.658.359
- Các khoản dự phòng	03		(34.259.432.244)	(6.384.011.507)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(106.913.484)	(89.972.784)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(28.772.722.627)	(11.932.042.252)
- Chi phí lãi vay	06		12.176.717.512	17.937.933.146
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(4.151.553.462)	(5.863.438.671)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.095.319.800	21.308.284.669
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải)	11		(4.540.790.478)	(355.442.646)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		19.583.338	39.166.666
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.577.440.802)	15.128.570.018
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.327.000.000	310.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.250.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	26.368.372.677	722.770.776
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		34.945.372.677	1.033.225.321

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(33.225.682.065)	(16.669.166.345)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(33.225.682.065)	(16.669.166.345)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		142.249.810	(507.371.006)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	267.631.824	775.442.086
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(61.016)	(439.256)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	409.820.618	267.631.824

Vĩnh Long, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






PHẠM THỊ CẨM NHUNG

PHAN NGỌC BÌNH

NGUYỄN THUẬN

**CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư
Số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 2204/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 01 tháng 08 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc phê duyệt phương án chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500170900 (số cũ là 5403000041) đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 30 tháng 08 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp.

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch UpCom với mã chứng khoán VLF.

Vốn điều lệ: 119.599.820.000 đồng (Một trăm mười chín tỷ năm trăm chín mươi chín triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng), tương đương 11.959.982 cổ phần.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng.

2. Trụ sở chính

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 38 đường 2/9, phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

3. Công ty con

Tên Công ty con	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty TNHH Lương thực Kiên Nông	Tổ 5, ấp Sư Nam - Thị trấn Hòn Đất - Huyện Hòn Đất - Kiên Giang	Bán buôn gạo	60%

4. Ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh

- Mua bán lương thực thực phẩm, nông lâm sản, nguyên liệu, đồ uống không cồn;
- Mua bán phân bón, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp;
- Mua bán máy móc nông ngư cơ, thiết bị máy công nghiệp, khai khoáng, lâm nghiệp, xây dựng và phụ tùng thay thế;
- Mua bán thiết bị văn phòng (máy tính, phần mềm máy tính, thiết bị ngoại vi, linh kiện điện tử viễn thông và điều khiển, điện thoại cố định, di động, máy nhắn tin, máy bộ đàm, thiết bị điện tử viễn thông, thiết bị điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại, máy in, vật tư ngành in và phụ tùng, máy photocopy...);
- Mua bán xe ô tô, xe tải, rơ móc, mô tô, xe máy;
- Mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe có động cơ, mô tô, xe máy;
- Mua bán vật liệu xây dựng, gỗ, kim khí;
- Mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng, các chất bôi trơn và làm sạch động cơ, khí đốt (gas);
- Mua bán đồ giadụng thiết bị y tế, nha khoa, thiết bị bệnh viện, thiết bị thể dục thể thao;
- Mua bán vải, hàng may sẵn, giày dép, mỹ phẩm, hạt nhựa PE, hương liệu dùng trong thực phẩm;

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư
Số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

- Sản xuất, mua bán thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản;
- Nuôi trồng thủy sản; Chế biến bảo quản thủy sản, sản phẩm từ thủy sản;
- Đại lý bảo hiểm;
- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Dịch vụ nhà đất; Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông; Hoạt động kho bãi;
- Dệt bao bì nhựa PV và PE;
- Xây xát thóc lúa, đánh bóng gạo, sản xuất bột thô;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất đồ uống không cồn.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán là Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập trên cơ sở kế toán dồn tích, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư
Số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

2. Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính đã được lập dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Công ty có khoản lỗ lũy kế tính đến ngày 31/12/2019 là (240.436.049.121) đồng tương đương 201% vốn góp chủ sở hữu và số dư nợ phải trả là 138.767.848.461 đồng tương đương 251% giá trị tổng tài sản.

Giả định hoạt động liên tục phụ thuộc vào các chủ đầu tư sẽ tiếp tục tài trợ cho hoạt động của Công ty để Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đến hạn. Vào thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ cho hoạt động của Công ty.

3. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- **Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán:** Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Vĩnh Long.
- **Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản:** Tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng.
- **Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả:** Tỷ giá bán của ngân hàng.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có thể là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày mua, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Thu nhập được hưởng phát sinh sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi được hưởng phát sinh trước ngày Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN

Ban hành theo Thông tư

Số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo giá gốc trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi khi lập báo cáo tài chính riêng vào ngày kết thúc niên độ tài chính, và được phân loại, cụ thể:

- Các khoản đầu tư ngắn hạn: là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, cho vay có thời hạn thu hồi dưới 01 năm;
- Các khoản đầu tư dài hạn: là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, cho vay có thời hạn thu hồi trên 01 năm.

Các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc đầu tư. Các khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được Công ty ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản khác mà Công ty được hưởng ngoài phần lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trình bày theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư khi lập Báo cáo tài chính riêng. Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập khi đơn vị nhận vốn đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù cho các khoản lỗ trước đó đã được lập dự phòng. Mức trích lập dự phòng được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư và các quy định kế toán hiện hành.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Nguyên tắc ghi nhận giá trị tài sản cố định hữu hình

Giá trị ban đầu của tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính được áp dụng theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao của một số nhóm tài sản cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư
Số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
Máy móc thiết bị	07 – 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 năm

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm Giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp, và được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao, Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng được cấp. Phần mềm máy tính được khấu hao theo đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ tám năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nợ phải thu là các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán hoặc phải thu các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính, và được phân loại:

Có thời hạn thu hồi không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn;

Có thời hạn thu hồi từ 12 tháng trở lên kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản dài hạn. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đúng hạn hoặc không có khả năng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, và được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

10. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp, và được phân bổ theo đường thẳng trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

11. Ghi nhận các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa, và được phân loại khi lập Báo cáo tài chính, cụ thể:

Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là nợ ngắn hạn;

Có thời hạn thanh toán trên 1 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là nợ dài hạn.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng nếu Công ty có bằng chứng đáng tin cậy về chi phí ước tính phải chịu trong tương lai thì được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí, nhằm giảm sự gia tăng chi

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư
Số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

phí đột biến khi chi phí phát sinh thực tế. Chênh lệch (nếu có) giữa chi phí phát sinh thực tế với số đã trích, sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh năm phát sinh chi phí thực tế.

12. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Nợ dài hạn.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc đã thực thu tiền.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm số thuế phải trả hiện tại và số thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất trong năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế hay các chi phí không được khấu trừ.

Thu nhập từ các hoạt động khác và thu nhập khác, Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất phổ thông là 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

15. Các bên liên quan

Các bên có liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con - các cá nhân, trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B09 - DN
 Ban hành theo Thông tư
 Số 200/2014/TT-BTC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	54.447.000	56.508.000
Tiền mặt VND	54.447.000	56.508.000
Tiền gửi ngân hàng	355.373.618	211.123.824
Tiền gửi ngân hàng - VND	300.946.467	143.751.742
Tiền gửi ngân hàng ngoại tệ - USD (*)	54.427.151	67.372.082
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	409.820.618	267.631.824

Tương đương 2.355,11 USD (tại ngày 31/12/2018 là 2.910,13 USD).

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Mã chứng khoán	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc của chứng khoán	Giá trị hợp lý	Dự phòng giảm giá	Giá gốc của chứng khoán	Giá trị hợp lý	Dự phòng giảm giá
Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt	8.162.500	600.000	(7.562.500)	8.162.500	762.000	(7.400.500)
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	3.088.382	637.000	(2.451.382)	3.088.382	705.600	(2.382.782)
Cộng	11.250.882	1.237.000	(10.013.882)	11.250.882	1.467.600	(9.783.282)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	(9.783.282)	(9.111.282)
Trích lập bổ sung	(230.600)	(672.000)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	(10.013.882)	(9.783.282)

3. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên có liên quan	46.692.641.251	79.689.341.251
Công ty Cổ phần Docimexco	46.692.641.251	79.689.341.251
Phải thu các khách hàng khác	15.297.407.817	15.371.611.328
Ông Dương Thế Hiển	2.906.392.100	2.906.392.100
Hợp tác xã Thủy sản Tân Phát	2.217.205.874	2.217.205.874
DNTN Vĩnh Phước	2.677.875.000	2.677.875.000
Công ty Cổ phần Lương Thực và Dịch vụ Quảng Nam	2.324.694.000	2.324.694.000
Công ty TNHH Chế biến Lương thực Thực phẩm Mai Anh	2.070.535.972	2.070.535.972
Các khách hàng khác	3.100.704.871	3.174.908.382
Cộng	61.990.049.068	95.060.952.579

Các thuyết minh này là bộ phận không tách rời của các báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B09 - DN
 Ban hành theo Thông tư
 Số 200/2014/TT-BTC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Một số khoản phải thu ngắn hạn khách hàng tại ngày 31/12/2019 có giá trị 46.692.641.251 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Vĩnh Long và một số khoản phải thu ngắn hạn khách hàng tại ngày 31/12/2019 có giá trị 12.857.176.595 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng TMCP An Bình – CN Tiền Giang (xem thuyết minh tại V.14).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
DNTN Khánh Hưng	5.009.287.000 (*)	5.009.287.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu giá Long Giang Mê Kông	605.000.000	605.000.000
Các khách hàng khác	89.928.490	89.928.490
Cộng	5.704.215.490	5.704.215.490

(*) Đây là khoản ứng trước theo Hợp đồng mua bán hàng hóa (gạo 5% tấm XK) số 30/HĐMB.2013 ngày 22/02/2013 giữa Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long và Doanh nghiệp Tư nhân Khánh Hưng. Theo Quyết định 15/2013/QĐST-KDTM ngày 16/12/2013 của Tòa án Nhân dân huyện Tam Bình tỉnh Vĩnh Long về việc thỏa thuận của các đương sự: Ông Huỳnh Văn Minh - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Khánh Hưng và ông Huỳnh Vũ Xương đồng ý liên đới trả cho Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long. Quyết định số 09/QĐ-CCTHADS ngày 25/12/2015 về việc chưa có điều kiện thi hành án: Buộc ông Huỳnh Văn Minh - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Khánh Hưng và ông Huỳnh Vũ Xương đồng ý liên đới trả cho Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long số tiền là 5.009.287.000 đồng.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	12.650.000.000	-	5.750.000.000	-
Công ty TNHH Lương thực Kiên Nông – Tiền ứng vốn	12.650.000.000	-	5.750.000.000	-
Các khoản phải thu tổ chức và cá nhân khác	1.011.712.446	-	1.000.581.991	-
Tạm ứng	691.495.400	-	728.024.945	-
Cục thuế Vĩnh Long – thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu (*)	-	-	-	-
Cục thuế Vĩnh Long – tiền phạt nộp chậm thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	-	-	-
Phải thu khác	320.217.046	(173.159.046)	272.557.046	(173.159.046)
Cộng	13.661.712.446	(173.159.046)	6.750.581.991	(173.159.046)

(*) Đây là số thuế truy thu và phạt chậm nộp thuế TNDN năm 2007 và 2008 đã được Cục thuế Vĩnh Long khấu trừ vào các khoản hoàn thuế GTGT của Công ty do xác định sai ưu đãi miễn giảm thuế TNDN theo các Quyết định của Cục thuế tỉnh Vĩnh Long và Tổng Cục thuế. Ngày 12/04/2019, Tòa án phúc thẩm ra phán quyết số 177/2019/HC-PT buộc Công ty phải nộp

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
 Ban hành theo Thông tư
 Số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

tiền thuế TNDN truy thu và tiền chậm nộp thuế nêu trên. Công ty đã kết chuyển khoản thuế TNDN và tiền phạt này vào chi phí. Khoản mục này số đầu kỳ đã điều chỉnh hồi tố theo thuyết minh tại VII.2.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số dư 01/01/2019	(100.743.207.515)	(107.143.078.243)
Trích lập dự phòng	(181.500.000)	-
Hoàn nhập dự phòng	33.070.903.511	6.399.870.728
Số dư 31/12/2019 (*)	(67.853.804.004)	(100.743.207.515)

(*) Chi tiết khoản dự phòng

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-	605.000.000	181.500.000
Phải thu cá nhân và các tổ chức khác	-	-	605.000.000	181.500.000
Trên 3 năm	67.853.804.004	-	100.319.707.515	-
Các bên có liên quan	46.692.641.251	-	79.689.341.251	-
Công ty Cổ phần Docimexco	46.692.641.251	-	79.689.341.251	-
Phải thu cá nhân và các tổ chức khác	21.161.162.753	-	20.630.366.264	-
DNTN Khánh Hưng	5.009.287.000	-	5.009.287.000	-
Ông Dương Thế Hiền	2.906.392.100	-	2.906.392.100	-
DNTN Vĩnh Phước	2.677.875.000	-	2.677.875.000	-
Cá nhân, tổ chức khác	10.567.608.653	-	10.036.812.164	-
Cộng	67.853.804.004	-	100.924.707.515	181.500.000

7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYỄN GIÁ					
Số đầu năm	34.287.196.639	31.241.037.792	2.111.470.728	265.072.169	67.904.777.328
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	171.031.840	-	-	-	171.031.840
Thanh lý	171.031.840	-	-	-	171.031.840
Số cuối năm	34.116.164.799	31.241.037.792	2.111.470.728	265.072.169	67.733.745.488

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B09 - DN
 Ban hành theo Thông tư
 Số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	17.177.002.504	25.443.234.909	1.660.000.382	265.072.169	44.545.309.964
Khấu hao tăng	1.640.016.512	1.570.620.197	160.190.160	-	3.370.826.869
Khấu hao giảm	126.291.790	-	-	-	126.291.790
Thanh lý	126.291.790	-	-	-	126.291.790
Số cuối năm	18.690.727.226	27.013.855.106	1.820.190.542	265.072.169	47.789.845.043
GIA TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	17.110.194.135	5.797.802.883	451.470.346	-	23.359.467.364
Số cuối năm	15.425.437.573	4.227.182.686	291.280.186	-	19.943.900.445

Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng, gồm:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá	555.999.352	13.869.094.924	1.276.491.637	265.072.169	15.966.658.082

Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá được mang thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng với số tiền là 41.615.821.218 đồng (xem thuyết minh tại V.14).

8. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	9.924.671.975	92.562.000	10.017.233.975
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	901.962.000	-	901.962.000
Thanh lý	901.962.000	-	901.962.000
Số cuối năm	9.022.709.975	92.562.000	9.115.271.975
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	196.381.554	92.562.000	288.943.554
Tăng trong năm	20.356.080	-	20.356.080
Giảm trong năm	24.052.000	-	24.052.000
Thanh lý	24.052.000	-	24.052.000
Số cuối năm	192.685.634	92.562.000	285.247.634
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	9.728.290.421	-	9.728.290.421
Số cuối năm	8.830.024.341	-	8.830.024.341

Tài sản cố định vô hình có nguyên giá được mang thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng với số tiền là 7.880.485.600 đồng (Xem thuyết minh tại V.14).

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
 Ban hành theo Thông tư
 Số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

9. Đầu tư tài chính dài hạn

Chi tiết khoản các khoản đầu tư dài hạn như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty con	9.470.000.000	(1.073.060.498)	8.396.939.502	9.470.000.000	(2.280.795.662)	7.189.204.338
Công ty TNHH Lương thực Kiên Nông (9.1)	9.470.000.000	(1.073.060.498)	8.396.939.502	9.470.000.000	(2.280.795.662)	7.189.204.338
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	5.250.000.000	-	5.250.000.000
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn Vĩnh Long (9.2)	-	-	-	5.250.000.000	-	5.250.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4.000.000.000	(69.854.042)	3.930.145.958	4.000.000.000	(232.378.211)	3.767.621.789
Công ty Cổ phần bia Sài Gòn - Vĩnh Long (9.3)	1.500.000.000	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Ninh Chữ (9.4)	2.500.000.000	(69.854.042)	2.430.145.958	2.500.000.000	(232.378.211)	2.267.621.789
Cộng	13.470.000.000	(1.142.914.540)	12.327.085.460	18.720.000.000	(2.513.173.873)	16.206.826.127

(9.1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1701452768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 12/11/2010 đăng ký thay đổi lần 01 ngày 15/03/2012, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Lương thực Kiên Nông với số tiền là 48.000.000.000 đồng, chiếm 60% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 9.470.000.000 đồng, chiếm 20% vốn điều lệ (Số đầu năm là 9.470.000.000 đồng, chiếm 20% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH Lương thực Kiên Nông là 38.530.000.000 đồng.

(9.2) Khoản đầu tư vào Công ty vào Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn Vĩnh Long được Công ty chuyển nhượng theo Hợp đồng mua bán tài sản số 37/2019/HĐMBTSĐG ngày 25/05/019 và Quyết định Số 18/QĐ-CCTHADS ngày 29/01/2019 của Chi Cục Thi hành Án Dân sự Thành phố Vĩnh Long với giá trị chuyển nhượng là 31.017.500.000 đồng.

(9.3) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 150.000 cổ phiếu, chiếm 01% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long (Số đầu năm là 150.000 cổ phiếu, chiếm 01% vốn điều lệ).

(9.4) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 250.000 cổ phiếu, chiếm 2,86% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Ninh Chữ (Số đầu năm là 250.000 cổ phiếu, chiếm 2,86 % vốn điều lệ).

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
 Ban hành theo Thông tư
 Số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

10. Phải trả người bán ngắn hạn

(10.1). Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo Vệ Nguyên Long – Vĩnh Long	18.810.000	33.660.000
Các khách hàng khác	295.000	295.000
Cộng	19.105.000	33.955.000

(10.2). Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	Phải thu	Phải trả	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải trả
Thuế TNCN	-	6.367.680	12.439.700	18.380.180	-	427.200
Thuế đất	-	-	279.106.491	279.106.491	-	-
Thuế và phí khác	-	-	4.000.568	4.000.568	-	-
Cộng	-	6.367.680	295.546.759	301.487.239	-	427.200

Số thuế nộp thừa được trình bày tại chi tiêu « Thuế và các khoản phải thu Nhà nước » trên bảng cân đối kế toán.

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức khác</i>	<i>65.130.820.209</i>	<i>57.571.602.695</i>
Chi phí lãi vay phải trả	64.580.820.209	57.021.602.695
Chi phí bồi thường vi phạm hợp đồng	550.000.000	550.000.000
Cộng	65.130.820.209	57.571.602.695

13. Phải trả phải nộp ngắn hạn khác

(13.1). Phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả cho các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Phải trả cổ tức	268.828.000	276.328.000
DNTN Quản lý Thanh lý Tài sản Lê Hoàng	9.000.000	-
Cộng	277.828.000	276.328.000

(13.2). Nợ quá hạn chưa thanh toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Nợ quá hạn chưa thanh toán cho các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Phải trả cổ tức (*)	268.828.000	276.328.000
Cộng	268.828.000	276.328.000

(*) Do các tổ chức và cá nhân khác không yêu cầu thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
 Ban hành theo Thông tư
 Số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn
(14.1). Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm	Tiền vay nhận được trong kỳ	Tiền vay đã trả trong kỳ	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn					
Bên liên quan	16.000.000.000	-	16.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	16.000.000.000	-	16.000.000.000	-	-
Các Ngân hàng và tổ chức khác	109.511.552.613		36.300.936.770	(18.779.795)	73.191.836.048
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Vĩnh Long (14.1.1)	66.983.435.240	-	35.984.260.000	(4.434.960)	30.994.740.280
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Tiền Giang (14.1.2)	6.926.734.960	-	316.676.770	(14.344.835)	6.595.713.355
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Vĩnh Long (14.1.3)	35.601.382.413	-	-	-	35.601.382.413
Cộng	125.511.552.613	-	52.300.936.770	(18.779.795)	73.191.836.048

(14.1.1) Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Vĩnh Long theo Hợp đồng tín dụng số 1284/2015/1294711/HĐTD ký ngày 25/03/2015:

- Hạn mức cho vay: 200.000.000.000 đồng (bao gồm: Dư nợ vay gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi);
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty và mở L/C;
 - Thời gian cấp tín dụng: Theo từng kế ước nhưng không quá 6 tháng;
 - Lãi vay: Theo từng kế ước nhận nợ;
 - Tài sản đảm bảo:
 - + Hợp đồng thế chấp tài sản số 084/2013/HĐ ngày 19/07/2013 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 084/2017/1294711/SĐBS ký ngày 19/05/2017;
 - + Hợp đồng thế chấp tài sản số 0112/2014/1294711/HĐBĐ ngày 16/12/2014 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 0112/2017/1294711/SĐBS ngày 19/05/2017;
 - + Hợp đồng thế chấp tài sản số 083/2014/1294711/HĐBĐ ngày 29/09/2014 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 083/2017/1294711/SĐBS ngày 19/05/2017;
 - + HĐ số 0252 thế chấp khoản thu Cty Docimexco
- Số dư vay tại ngày 31/12/2019 bao gồm 20.692.328.200 VND và 443.496 USD.

(14.1.2) Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP An Bình - CN Tiền Giang theo Hợp đồng tín dụng số 071/14/TD/XXVI ký ngày 26/06/2014, bao gồm: Các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số HDSĐBS.01-071/14/TD/XXVI, số HDSĐBS.02-071/14/TD/XXVI, số HDSĐBS.03-071/14/TD/XXVI ký ngày 12/12/2014, số HDSĐBS.05-071/14/TD/XXVI ký ngày 26/12/2016;

**CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư
Số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

- Hạn mức cho vay: 45.000.000.000 đồng (bao gồm: Dư nợ vay gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi);
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động/tài trợ xuất khẩu/thanh toán L/C phục vụ cho hoạt động kinh doanh xuất khẩu gạo;
- Thời gian cấp tín dụng: Theo từng kế ước nhưng không quá 6 tháng;
- Lãi vay: Theo từng kế ước nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo: Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 172A/QĐN/XXVI ngày 12/12/2014 và Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số PL.01-172A/14/QĐN/XXVI KÝ NGÀY 26/12/2016;
- Số dư vay tại ngày 31/12/2019 là 284.175,50 USD.

(14.1.3) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Vĩnh Long theo các Hợp đồng tín dụng từng lần như sau: Hợp đồng số 33/HĐTĐ - VLO.KH ngày 25/09/2014 và Phụ lục số 01 ngày 18/03/2015; Hợp đồng số 46/HĐTĐ-VLO.KH ngày 31/12/2014, Hợp đồng số 03/HĐTĐ-VLO.KH ngày 17/03/2015; Hợp đồng số 04/HĐTĐ-VLO.KH ngày 19/03/2015 và Hợp đồng số 09/HĐTĐ-VLO.KH ngày 13/04/2015;

- Số tiền cho vay theo từng hợp đồng vay;
- Mục đích cho vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Lãi vay: Theo từng hợp đồng cho vay;
- Thời gian cấp tín dụng: Theo từng hợp đồng vay nhưng không quá 6 tháng;
- Tài sản đảm bảo:
 - + Hợp đồng thế chấp tài sản số 200/HĐTC-VLO.KH;
 - + Hợp đồng số 201/HĐTC-VLO.KH ngày 08/12/2014;
- Số dư tại ngày 31/12/2019 là 35.601.382.413 VND.

(14.2). Vay quá hạn chưa thanh toán

Các khoản vay	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lãi	Cộng	Giá gốc	Lãi	Cộng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Vĩnh Long				16.000.000.000	4.617.499.998	20.617.499.998
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Vĩnh Long	30.994.740.280	40.608.813.264	71.603.553.544	66.983.435.240	32.926.825.319	99.910.260.559
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Tiền Giang	6.595.713.355	1.430.372.077	8.026.085.432	6.926.734.960	1.019.558.399	7.946.293.359
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Vĩnh Long	35.601.382.413	22.541.634.868	58.143.017.281	35.601.382.413	18.457.718.979	54.059.101.392
Cộng	73.191.836.048	64.580.820.209	137.772.656.257	125.511.552.613	57.021.602.695	182.533.155.308

Các khoản vay này chưa trả do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B09 - DN
 Ban hành theo Thông tư
 Số 200/2014/TT-BTC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Đã nộp</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	2.990.000	-	-	2.990.000
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	48.842.004	-	-	48.842.004
Cộng	51.832.004	-	-	51.832.004

16. Vốn chủ sở hữu

16.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận chưa phân phối</u>	<u>Tổng cộng</u>
Số đầu năm trước	119.599.820.000	37.281.400.080	(270.231.750.762)	(113.350.530.682)
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	(13.623.912.791)	(13.623.912.791)
Số cuối năm trước	119.599.820.000	37.281.400.080	(283.855.663.553)	(126.974.443.473)
Số đầu năm nay (*)	119.599.820.000	37.281.400.080	(283.855.663.553)	(126.974.443.473)
Tăng trong năm	-	-	43.419.614.432	43.419.614.432
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm nay	119.599.820.000	37.281.400.080	(240.436.049.121)	(83.554.829.041)

(*) Khoản tiền thuế TNDN bị truy thu và tiền phạt chậm nộp thuế TNDN được điều chỉnh theo phương pháp hồi tố (Xem thêm thuyết minh VII.2).

16.2. Chi tiết vốn góp chủ sở hữu

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn thực góp vào ngày 31/12/2019	
	<u>Số tiền</u>	<u>Tỷ lệ, %</u>	<u>Số tiền</u>	<u>Tỷ lệ, %</u>
Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	47.840.000.000	40,00	47.840.000.000	40,00
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	27.928.640.000	23,35	27.928.640.000	23,35
Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh	6.118.000.000	5,12	6.118.000.000	5,12
Ông Phan Ngọc Bình	36.010.000	0,03	36.010.000	0,03
Các cổ đông khác	37.677.170.000	31,50	37.677.170.000	31,50
Cộng	119.599.820.000	100,00	119.599.820.000	100,00

16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm 01/01	119.599.820.000	119.599.820.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm 31/12	119.599.820.000	119.599.820.000
Phân phối lợi nhuận	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B09 - DN
 Ban hành theo Thông tư
 Số 200/2014/TT-BTC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

(Thẻ hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

16.4. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.959.982	11.959.982
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	11.959.982	11.959.982
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	11.959.982	11.959.982

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phiếu.

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(17.1). Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các Hợp đồng thuê tài sản hoạt động không thể hủy ngang theo các thời gian như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	268.347.600	275.478.675
Trên 01 năm đến dưới 05 năm	1.073.390.400	1.101.914.700
Trên 05 năm	6.822.652.650	7.266.800.331
Cộng	8.164.390.650	8.644.193.706

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản hoạt động ở trên là tổng số tiền thuê 3.945 m² đất đang sử dụng tại tỉnh Vĩnh Long với mức tiền thuê theo thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm của cơ quan thuế.

(17.2). Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
- USD	2.355,11	2.910,13

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.495.000	4.205.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	15.495.000	4.205.000
Cộng	15.495.000	4.205.000

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	810.277	48.383.151
Cổ tức, lợi nhuận được chia	600.062.400	675.044.400
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	363	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	102.473.934	89.972.784
Thu tiền thi hành án	-	738.144.600
Chuyển nhượng phần góp vốn (*)	25.767.500.000	-
Cộng	26.470.846.974	1.551.544.935

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư
Số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

(*) Công ty đã bán toàn bộ vốn góp ở Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn Vĩnh Long theo Quyết định số 18/QĐ-CCTHADS ngày 29/01/2019 (Xem tại thuyết minh V.9.2).

3. Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	12.176.717.512	17.937.933.146
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	84.048.119	514.633.112
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(1.370.028.733)	15.859.221
Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	<u>10.890.736.898</u>	<u>18.468.425.479</u>

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	3.696.463.457	3.887.223.969
Chi phí vật liệu quản lý	92.286.561	39.166.666
Chi phí đồ dùng văn phòng	10.374.818	13.717.999
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.391.182.949	4.472.658.359
Thuế, phí và lệ phí	293.707.763	346.635.850
Chi phí dự phòng (*)	(32.889.403.511)	(6.399.870.728)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	245.485.335	1.366.092.922
Chi phí bằng tiền khác	1.095.643.733	471.806.195
Cộng	<u>(24.064.258.895)</u>	<u>4.197.431.232</u>

(*) Xem thêm thuyết minh V.6.

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu thanh lý tài sản cố định	2.404.349.950	4.062.101.814
Hoàn nhập từ lãi hoàn trả của HD Bank	-	7.180.087.844
Hoàn nhập từ lãi hoàn trả của Nguyễn Kim	1.419.943.998	-
Thu nhập khác	12.200.431	15
Cộng	<u>3.836.494.379</u>	<u>11.242.189.673</u>

6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt, bị truy thu	341.365	86.530
Chi phí thẩm định giá	35.199.042	-
Xử lý nợ theo Quyết định của Tòa án	41.203.511	-
Cộng	<u>76.743.918</u>	<u>86.530</u>

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	43.419.614.432	(9.868.003.633)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế		

Các thuyết minh này là bộ phận không tách rời của các báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
 Ban hành theo Thông tư
 Số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.080.130.426	22.092.358.839
Chi phí không được trừ	3.080.130.426	22.092.358.839
- Các khoản điều chỉnh giảm	(600.062.400)	(675.044.400)
Thu nhập tính thuế	45.899.682.458	(11.549.310.806)
Lỗ các năm trước còn được chuyển	(45.899.682.458)	(11.549.310.806)
+ Thuế suất	20%	20%
+ Thuế TNDN phải nộp	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Chỉ tiêu này không trình bày trên báo cáo riêng của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long vì đây là Công ty mẹ, và được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định tại khoản 3.19 điều 113 của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	102.661.379	52.884.665
Chi phí nhân công	3.696.463.457	3.887.223.969
Chi phí khấu hao TSCĐ (Thuyết minh V.7,8)	3.391.182.949	4.472.658.359
Chi phí dịch vụ mua ngoài	245.485.335	1.712.728.772
Chi phí bằng tiền khác	1.095.643.733	471.806.195
Cộng	8.531.436.853	10.597.301.960

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1 Các bên liên quan

Bên liên quan	Quan hệ
Công ty Cổ phần Docimexco	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty TNHH Lương thực Kiên Nông	Công ty con
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn Vĩnh Long	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	Cổ đông lớn

1.2 Giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Bên liên quan	Nội dung	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Docimexco	Thu tiền hàng	32.996.700.000	-
Công ty TNHH Lương thực Kiên Nông	Thu tạm ứng	3.800.000.000	-
	Chi tạm ứng	10.700.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn Vĩnh Long	Bán cổ phần	31.017.500.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
 Ban hành theo Thông tư
 Số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Bên liên quan	Nội dung	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	Trả nợ vay	16.000.000.000	-
	Trả lãi vay	3.197.556.000	-

1.3 Số dư các bên liên quan: Xem chi tiết tại các thuyết minh V.3, V.5, V.6, V.9 và V.14.

1.4 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan đến các thành viên chủ chốt

Trong năm 2019, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên có liên quan với các thành viên chủ chốt khác.

Thu nhập của các thành viên chủ chốt, chi tiết gồm:

Khoản mục	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thù lao và phụ cấp	559.200.000	634.500.000
Cộng	559.200.000	634.500.000

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Tuy nhiên, số liệu này đã được điều chỉnh lại khoản thuế Thu nhập doanh nghiệp phát sinh các năm 2007, 2008 bị truy thu và tiền chậm nộp thuế theo Phán quyết số 177/2019/HC-PT của Tòa án phúc thẩm ra ngày 12/04/2019, cụ thể như sau:

Biến động vốn chủ sở hữu sau điều chỉnh

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2018	01/01/2018
Vốn góp của chủ sở hữu	119.599.820.000	119.599.820.000	119.599.820.000
Quỹ đầu tư phát triển	37.281.400.080	37.281.400.080	37.281.400.080
LNST chưa phân phối	(240.436.049.121)	(283.855.663.553)	(270.231.750.762)
Vốn chủ sở hữu	(83.554.829.041)	(126.974.443.473)	(113.350.530.682)

Ảnh hưởng các sai sót lên số dư đầu năm các chỉ tiêu trình bày trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019.

Chỉ tiêu	31/12/2018 Trước điều chỉnh	31/12/2018 Sau điều chỉnh	Chênh lệch
Phải thu ngắn hạn khác	40.454.327.432	6.750.581.991	(33.703.745.441)
Lợi nhuận chưa phân phối	(236.528.005.321)	(270.231.750.762)	(33.703.745.441)

Lý do: Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh 2007, 2008 truy thu theo quyết định của Cục thuế Vĩnh Long với số tiền là 31.347.563.097 đồng, tiền phạt chậm nộp thuế với số tiền 2.356.182.344 đồng.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư
Số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên văn phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy rủi ro tín dụng nào từ các khoản tiền gửi ngân hàng.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	409.820.618	-	-	-	409.820.618
Phải thu khách hàng		-	-	61.990.049.068	61.990.049.068
Phải thu ngắn hạn khác		-	-	13.661.712.446	13.661.712.446
Cộng	409.820.618	-	-	75.651.761.514	76.061.582.132
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	267.631.824	-	-	-	267.631.824
Phải thu khách hàng		-	-	95.060.952.579	95.060.952.579
Phải thu ngắn hạn khác		-	-	6.750.581.991	6.750.581.991
Cộng	267.631.824	-	-	101.811.534.570	102.079.166.394

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: Thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
Ban hành theo Thông tư
Số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của các luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	19.105.000	-	-	19.105.000
Các khoản phải trả khác	-	-	65.408.648.209	65.408.648.209
Cộng	19.105.000	-	65.408.648.209	65.427.753.209
Số đầu năm				
Phải trả người bán	33.955.000	-	-	33.955.000
Các khoản phải trả khác	-	-	57.847.930.695	57.847.930.695
Cộng	33.955.000	-	57.847.930.695	57.881.885.695

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là vừa phải. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn có lãi suất thả nổi.

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do không phát sinh các khoản vay và tiền gửi ngân hàng có lãi suất cố định trong thời gian gửi.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM VĨNH LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Mẫu số B09 - DN
 Ban hành theo Thông tư
 Số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	409.820.618	-	267.631.824	-	409.820.618	267.631.824
Phải thu khách hàng	61.990.049.068	61.990.049.068	95.060.952.579	95.060.952.579	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	13.661.712.446	173.159.046	6.750.581.991	173.159.046	13.488.553.400	6.577.422.945
Cộng	76.061.582.132	62.163.208.114	102.079.166.394	95.234.111.625	13.898.374.018	6.845.054.769

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	19.105.000	33.955.000	19.105.000	33.955.000
Các khoản phải trả khác	65.408.648.209	57.847.930.695	-	-
Cộng	65.427.753.209	57.881.885.695	19.105.000	33.955.000

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

5. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán cho đến ngày lập báo cáo này có thể làm sai lệch số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty.

Vĩnh Long, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế Toán trưởng

Tổng Giám đốc






PHẠM THỊ CẨM NHUNG

PHAN NGỌC BÌNH

NGUYỄN THUẬN